

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền

2. Ông Bùi Đức Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST – HNGĐ ngày 15/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Đặng Thị P**, sinh năm 1982;

ĐKHKT và nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: **Anh Trần Duy P** – sinh năm 1975;

ĐKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Liên bang Nga.

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất

trình nguyên đơn là chị Đặng Thị P trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Duy P tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào ngày 31/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P nghiện ma túy. Chị P đã tìm nhiều biện pháp để duy trì cuộc hôn nhân nhưng đến thời điểm hiện tại chị muốn giải quyết dứt điểm để ổn định cuộc sống. Vợ chồng cũng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm lạnh nhạt. Đến khoảng năm 2019, anh P đi lao động tại Liên bang Nga, chị và gia đình anh P không biết rõ địa chỉ của anh P đang ở đâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Trần Duy P có một con chung là Trần Đặng Mai H - sinh ngày 09/9/2009. Hiện con chung đang ở với chị P. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con, anh P không có mặt tại Việt Nam. Chị P không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh Trần Duy P, không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai đối với bố mẹ đẻ anh P là ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị S trình bày: Việc kết hôn giữa anh P, chị P đúng như chị P trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P nghiện ma túy, không chú tâm làm ăn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ lâu và hiện anh P đang sống và làm việc tại Liên bang Nga. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, đã giao các văn bản của Tòa án cho gia đình ông bà và gia đình ông bà đã thông báo ngay lại cho anh P. Anh P có trao đổi lại với ông bà là anh P đồng ý ly hôn chị P. Anh P đồng ý để chị P trực tiếp nuôi con chung là Trần Đặng Mai H - sinh ngày 09/9/2009 và đồng ý việc chị P không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông bà không rõ địa chỉ cụ thể của anh P ở Liên bang Nga nên không cung cấp cho Tòa án nhưng anh P thường xuyên liên lạc với ông bà qua điện thoại. Ông bà cam đoan sẽ thông báo các nội dung văn bản của Tòa án cho anh P.

Tại các biên bản xác minh, đại diện UBND xã Đ cung cấp như sau: Anh P, chị P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình ngày 31/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc

do anh P nghiện ma túy. Vợ chồng sống đã sống ly thân từ lâu, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung. Anh P, chị P không nợ nghĩa vụ tài chính nào ở địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị P được ly hôn anh Trần Duy P. Giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chị P chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là anh Trần Duy P đang cư trú tại Liên bang Nga, anh P vẫn liên lạc về gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị S - bố mẹ đẻ anh P không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bố mẹ đẻ anh P để xác minh địa chỉ của anh P, tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa án cho ông Đ, bà S, yêu cầu ông bà thông báo cho anh P các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay anh P vẫn không về tham gia tố tụng, cũng không có văn bản ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn chị Đặng Thị P có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại UBND xã Đ, Cục xuất nhập cảnh bộ Công An về việc anh P đã xuất cảnh, vì vậy thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị P, anh P tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P nghiện ma túy, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài. Anh P xuất cảnh sang Liên bang Nga từ năm 2019 đến nay chưa về nước, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Ông Đ, bà S là bố mẹ đẻ anh P trình bày, anh P đã biết việc chị P xin ly hôn và anh đồng ý ly hôn, anh P không về Việt Nam để làm việc với Tòa án, không gửi văn bản ý kiến trực tiếp của mình về cho Tòa án, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị P. Xét thấy, tình

trạng hôn nhân của chị P, anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị P được ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị P, anh P có một con chung là Trần Đặng Mai H - sinh ngày 09/9/2009. Tại biên bản làm việc với ông Đ, bà S, ông bà trình bày anh P đồng ý việc chị P trực tiếp nuôi con chung và đồng ý việc chị P không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, anh P không có mặt tại Việt Nam và đồng ý việc giao con chung cho chị P nuôi dưỡng. Do đó cần xử giao con chung là Trần Đặng Mai H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị P được ly hôn anh Trần Duy P.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Trần Đặng Mai H - sinh ngày 09/9/2009 cho chị Đặng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh Trần Duy P cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Duy P có quyền thăm nom con chung. Anh P, chị P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005131 ngày 12/10/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã Đ, H.Đ, tỉnh Thái Bình
(Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng